

Số: 1909 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình
Xây dựng Đầm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót,
thôn Trà Khương, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 8589
ĐẾN	Ngày: 17.10.16
	Chuyên:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 15/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án xây dựng đầm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà Khương, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng;

Căn cứ Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn thực hiện chính sách định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số từ nguồn ngân sách Trung ương;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 396/TTr-BDT ngày 01/9/2016 về việc thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng đầm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà

Khuong, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng; của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 2208/SXD-KTKHXD&HT ngày 26/9/2016 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Xây dựng điểm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà Khuong, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Xây dựng điểm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà Khuong, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng, với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Xây dựng điểm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà Khuong, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng.

2. Tên chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh.

3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Trung Long và Công ty Cổ phần cơ khí xây lắp An Ngãi.

4. Chủ nhiệm lập BCKT-KT: KS. Nguyễn Văn Thông.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Xây dựng hoàn thành điểm định canh, định cư tập trung tại Nà Tà Kót, thôn Trà Khuong, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng có đủ công trình hạ tầng thiết yếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt theo quy định tại Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo 49 hộ đồng bào dân tộc trên địa bàn xã còn du canh, du cư có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, sớm thoát nghèo.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

6.1. Đường giao thông:

- Đường giao thông ngoại vùng:

+ Loại đường: Đường Giao thông nông thôn loại B (hoặc châm chước loại B);

+ Chiều dài tuyến: L=495,67m.

+ Trục xe tính toán tiêu chuẩn 2,5T.

+ Độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$, độ dốc ngang lề đường $i_l=4\%$.

+ Tốc độ thiết kế: V=15 Km/h.

+ Chiều rộng nền đường 5m, chiều rộng mặt đường 3,5m, bề rộng lề đất $0,75m \times 2 = 1,5m$.

+ Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng.

- Đường giao thông nội vùng:

+ Loại đường: Đường Giao thông nông thôn loại C (hoặc châm chước loại C);

+ Chiều dài tuyến: L=647,7m (gồm 3 phân khu).

+ Trục xe tính toán tiêu chuẩn 2,5T.

+ Độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$.

- + Tốc độ thiết kế: $V=10$ Km/h.
- + Chiều rộng nền đường $B_n = B_m = 2,0$ m.
- + Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng.

6.2. Cấp điện: Đường dây 0.23kV xây dựng mới: 1.036 mét;

6.3. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền: San nền gồm 03 khu với tổng diện tích san nền khoảng 19.983m^2 (trong đó Khu I: 2.756m^2 , Khu II: 14.324m^2 , Khu III: 2.903m^2), tổng khối lượng đất đắp san nền 5.547m^3 , tổng khối lượng đất đào san nền 42.941m^3 , tận dụng đất đào để đắp.

b) Hệ thống thoát nước: Thiết kế mương hở bê tông dạng hình thang bề rộng B(400-1200) để thu nước dọc các taluy đào, cơ taluy đào, dẫn thoát về điểm thấp nhất trong khu san nền và thoát ra đất tự nhiên.

c) Kè chắn: Thiết kế dạng đứng, tổng chiều dài 96m (khu I: 50m và khu II: 50m), chiều cao kè (5-8)m, móng kè chôn trong đất (1,45-1,65)m chiều rộng móng (3,20-4,35)m, đỉnh kè rộng 0,54m. Trên đỉnh kè thiết kế lan can an toàn cao 1,0m.

d) Gia cố mái taluy: Thực hiện gia cố tại các taluy đắp và các taluy san nền giạt cấp giữa các lô đất.

e) Mốc phân lô: Thực hiện cắm mốc phân lô tại vị trí góc các lô đất.

f) Hệ thống cấp nước:

Nguồn cấp nước cho các khu dân cư được lấy từ nguồn nước tự chảy ở suối Hà Doi. Đường ống cấp nước thô sử dụng ống nhựa HDPE D63 chiều dài 330m. Đường ống từ Bể xử lý đến khu dân cư sử dụng ống nhựa HDPE D63 dài 469m.

7. Địa điểm xây dựng: Thôn Trà Khương, xã Trà Lâm, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Diện tích khu đất: khoảng 33.607m^2 (các khu san nền).

9. Phương án xây dựng:

a) Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng nêu trong thuyết minh thiết kế: TCVN 4447:2012; TCVN 2737:1995; TCVN 5574:2012; TCVN 4054-2005; TCVN 10380:2014;...

b) Giải pháp thiết kế:

b.1) Đường giao thông:

- Bình đồ, trắc dọc: Bình đồ và trắc dọc tuyến được thiết kế qua cao độ không chế điểm đầu, cao độ san nền các khu, thiết kế theo nguyên tắc khối lượng đào đắp là nhỏ nhất, đảm bảo hài hòa với địa hình và yếu tố kỹ thuật (có chức năng) của cấp hạng tuyến đường.

- Trắc ngang: Được thiết kế với quy mô bề rộng nền, mặt đường và độ dốc theo mục 6.1.

* Nền, mặt đường:

- Nền đường:

+ *Đường giao thông ngoại vùng*: Chủ yếu là nền đào, đào khuôn đến cao trình thiết kế đáy lớp CPĐD, lu lèn nền 30cm trên cùng đạt $K \geq 0,98$. Một số đoạn cục bộ đắp trên mái dốc lớn hơn 20% thì đắp từng lớp $K \geq 0,95$, sau khi đánh cấp với bề rộng $B=1m$. Mái đào $m=1:1,0$, mái đắp $m=1:1,5$.

+ *Đường giao thông nội vùng*: Tại cao trình san lấp, đào khuôn đường đến đáy lớp CPĐD, tiến hành lu lèn nền $K \geq 0,95$ trong phạm vi mặt đường.

- Mặt đường

+ *Đường giao thông ngoại vùng*: Lớp Bê tông xi măng M250 dày 18cm; lớp cấp phối đá dăm dày 12cm.

+ *Đường giao thông nội vùng*: Lớp Bê tông xi măng M200 dày 16cm; lớp cấp phối đá dăm dày 10cm.

* Hệ thống thoát nước (đường giao thông ngoại vùng):

- Thoát nước ngang: Thiết kế 01 cống tròn D1000 tại Km0+135,19 và 01 cống tròn 2D1000 tại Km0+398,77. Ống cống bằng BTCT M200; móng cống bằng BT M150; Tường đầu, tường cánh, hố thu bằng BT M150; Móng tường đầu, tường cánh, sân cống bằng BT M150.

- Thoát nước dọc: Với đường giao thông ngoại vùng, thiết kế rãnh đất hình thang đối với những đoàn nền đào, hoặc đắp thấp; với đường giao thông nội vùng, thoát nước theo địa hình và hướng dốc san nền.

b.2) Cấp điện:

* Kết cấu đường dây 0,23kV: Được thiết kế theo tiêu chuẩn cấp điện áp 0,4kV, kết cấu 2 pha 3 dây, đi trên không.

- Dây dẫn và phụ kiện:

- Dây dẫn: Dây dẫn đường dây hạ áp được tính chọn theo điều kiện tổn thất điện áp cho phép và các qui định kỹ thuật lưới điện hạ thế. Dây dẫn hạ thế chọn dùng loại cáp nhôm vện xoắn bọc cách điện XLPE. Ký hiệu: LV-ABC (3x70)mm² -600V.

- Dây dẫn tại các khoảng vượt: Dây dẫn hạ áp chọn dùng loại dây nhôm lõi thép bọc cách điện PVC. Ký hiệu: 3ACV70/11mm² - 600V.

- Đầu nối và nối dây dẫn:

+ Dùng kẹp cáp xuyên cách điện (kẹp răng) có tiết diện phù hợp cho các vị trí đầu nối, đầu lèo. Mỗi vị trí của 1 pha dùng 1 kẹp cáp.

+ Sử dụng ống nối kiểu ép tại các vị trí nối dây, mỗi pha dùng 1 ống nối, không được nối tại các khoảng vượt.

* Xây dựng đường dây:

- Sơ đồ cột: Dùng sơ đồ cột đỡ thẳng cho các vị trí đỡ thẳng. Sơ đồ cột đơn hãm góc cho các vị trí có khoảng hãm ngắn. Sơ đồ cột đôi cho các vị trí hãm cuối, hãm rẽ nhánh, hãm góc với khoảng hãm dài;

- Cột XDM dùng bê tông ly tâm thường đúc sẵn, ký hiệu: BTLT-8.4A, BTLT-8.4B; BTLT-10.5C;

- Móng cột XDM: Chọn móng khối bê tông cốt thép đúc tại chỗ, kí hiệu MT-1, MTĐ-1, MT-3.

- Móng néo XDM: Chọn móng khối bê tông cốt thép đúc tại chỗ, kí hiệu MN15-5.

- Dây néo dùng loại dây thép mạ kẽm, bện xoắn ký hiệu TK50-10.

- Tất cả cổ dè, tiếp địa và các chi tiết bằng thép gia công bằng thép hình đều được mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ $\geq 0.08\text{mm}$.

* Các biện pháp bảo vệ:

- Tại các vị trí cuối, rẽ nhánh và dọc theo chiều dài tuyến khoảng từ 200-250m cần nối đất lặp lại.

- Tiếp địa đường dây dùng kiểu hình tia kết hợp giữa cọc và thanh, loại LR-8 như sau : Dùng cọc bằng thép hình 63x63x6 dài 2m mạ kẽm nhúng nóng làm các cọc nối đất, được đóng sâu dưới mặt đất 0.8 mét. Thanh liên kết giữa các cọc bằng thép Ø10 mạ kẽm nhúng nóng. Liên kết giữa cọc và thanh bằng liên kết hàn điện. Các mối hàn được sơn chống rỉ.

- Điện trở nối đất yêu cầu phải đạt $R_{nd} \leq 30\Omega$, theo Qui phạm trang bị điện, nếu không đạt trị số trên thì phải đóng bổ sung.

b.3) Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật

- San nền: Thực hiện san nền giạt cấp theo phân lô, độ dốc thoát nước trong phân lô 2%, hướng thoát nước theo hướng theo địa hình. Hệ số đầm chặt $K=0.9$.

- Hệ thống thoát: Kết cấu mương bê tông đá 1x2 mác 200, lót hố thu bằng bê tông đá 4x6 M100, lót mương bằng bêtôn nhựa.

- Kè chắn: Kết cấu kè bằng bê tông đá 2x4 M200, bê tông lót đá 4x6 M100.

- Gia cố mái taluy: Kết cấu mái gia cố bằng BTCT (bê tông đá 1x2 dày 100 M200).

- Mốc phân lô: Kết cấu bằng bê tông đá 1x2 M200

- Hệ thống cấp nước:

+ Nguồn cấp nước cho các khu dân cư được lấy từ nguồn nước tự chảy ở suối Hà Doi. Đường ống cấp nước thô sử dụng ống nhựa HDPE D63 chiều dài 330m. Đường ống từ Bể xử lý đến khu dân cư sử dụng ống nhựa HDPE D63 dài 469m.

+ Đường ống cấp nước trong mặt bằng phân khu dân cư 1 sử dụng ống nhựa HDPE D32 dài 114m và ống nhựa HDPE D25 dài 60m.

+ Đường ống cấp nước trong mặt bằng phân khu dân cư 2 sử dụng ống nhựa HDPE D63 dài 90m, ống nhựa HDPE D40 dài 292m, ống nhựa HDPE D32 dài 44m và ống nhựa HDPE D25 dài 370m.

+ Đường ống cấp nước trong mặt bằng phân khu dân cư 3 sử dụng ống nhựa HDPE D32 dài 74m và ống nhựa HDPE D25 dài 60m.

+ Cụm vòi lấy nước sử dụng ống thép tráng kẽm D27 gắn trong trụ BTCT

cao 1,3m. Tổng số cụm vòi lấy nước các hộ dân cư là 49 cụm.

10. Loại và cấp công trình:

Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

11. Tổng mức đầu tư: **14.994.154.000** đồng (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ, chín trăm chín mươi bốn triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn đồng*), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 10.773.171.000 đồng
- Chi phí Quản lý dự án: 212.526.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư XD: 868.577.000 đồng
- Chi phí khác: 807.791.000 đồng
- Chi phí bồi thường GPMB: 1.876.665.000 đồng
- Chi phí dự phòng: 455.424.000 đồng

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án 33 quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, giao chủ đầu tư:

1. Căn cứ vào khối lượng và biện pháp thi công thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu thanh toán theo đúng qui định của pháp luật về đầu tư xây dựng; quản lý chặt chẽ kinh phí của công trình trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt.

2. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2208/SXD-KTKHXD&HT ngày 26/9/2016.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này điều chỉnh, thay thế một số nội dung tại Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh. Riêng nội dung tại Tiết a.1 Điểm a Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 2268/QĐ-UBND vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy Ban Dân tộc (b/cáo);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT(KT) UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (NC), TH, CBTH;
- Lưu: VT, pKT(Lesang263).



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng